

4. HUYỆN CHƠN THÀNH

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN CHƠN THÀNH (NAY LÀ PHƯỜNG HƯNG LONG)			
1	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	1,00
		Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	1,00
		Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	1,00
		Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	1,00
		Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3)	1,00
		Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3) (nay là Khu phố 10)	Ranh giới xã Minh Hưng (nay là Minh Hưng)	1,00
		Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	1,00
		Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	1,00
		Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng KP7	1,00
		Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng KP7	Ranh giới xã Thành Tâm	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường Nguyễn Huệ - ĐT 751 (Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đôi	1,00
		Cầu Suối Đôi	Cầu Bàu Bàng	1,00
		Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (đường vào bệnh viện huyện)	1,00
		Đường Phạm Ngọc Thạch (đường vào bệnh viện huyện)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (Thửa số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến nương thoát nước (Hết ranh thửa số 2 tờ bản đồ số 42)	1,00
		Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (Thửa số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến nương thoát nước (Hết ranh thửa số 2 tờ bản đồ số 42)	Ranh giới xã Minh Thành	1,00
		Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND thị trấn Chơn Thành	1,00
		Hết ranh UBND thị trấn Chơn Thành	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào VP KP 4	1,00
		Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào VP KP 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	1,00
		Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,00
3	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành- Minh Long	1,00
		Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - QL 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	1,00
		Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	1,00
		Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Đến ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	1,00
		Đến ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 2 tháng 4 (Cách HLBVĐB - QL 13: 25m)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
4	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (ĐT 751)	Phía Đông: Đến đường tổ 1 KP3 (Hết thửa đất số 84 tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đến đường bê tông (Hết thửa đất số 44 tờ bản đồ số 79)	1,00
		Phía Đông: Đến đường tổ 1 KP3 (Hết thửa đất số 84 tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đến đường bê tông (Hết thửa đất số 44 tờ bản đồ số 79)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	1,00
		Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 2 tháng 4 (Hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45 tờ bản đồ số 60	1,00
		Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 2 tháng 4 (Hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45 tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106 tờ bản đồ số 12)	1,00
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106 tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Thế Hiển	1,00
		Ngã tư đường Phạm Thế Hiển	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa số 29 tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa số 5 tờ bản đồ số 49	1,01
5	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 2 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 15 tờ bản đồ 72)	1,00
		Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 15 tờ bản đồ 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	1,00
6	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		1,05
7	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		1,05
8	Đường Nguyễn Văn Linh	TTHC huyện Chơn Thành	Đường Phan Đình Phùng (N9)	1,05
		Đường Phan Đình Phùng (N9)	Ngã tư đường Cao Bá Quát	1,05
9	Đường Phan Đình Giót (N1)	Toàn tuyến		1,11
10	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		1,05

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
11	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện	Toàn tuyến		1,05
12	Đường Hồ Chí Minh	Ranh giới xã Minh Thành	Ranh giới xã Thành Tâm	1,10
13	Đường Phước Long (đường N3 cũ)	Đường 02 tháng 4	Hết đất nhà ông Trần Dũng	1,20
14	Đường Phú Riêng Đò (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Kp 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) thửa số 69 tờ số 34	1,00
		Ngã ba đường tổ Kp 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) thửa 69 tờ 34	Cổng Gò Mạc (Ranh giới TT Chơn Thành và xã Thành Tâm)	1,00
15	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4 tờ bản đồ số 86	1,01
		Ngã tư hết thửa đất số 4 tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	1,00
16	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4 , ấp Hiếu Cầm)	Đường Nguyễn Huệ (QL14)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa 209 tờ 28)	1,00
		Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa 209 tờ 28)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	1,00
		Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	1,00
		Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	1,00
17	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa 282 và 279 tờ bản đồ số 20)	1,00
		Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa 282 và 279 tờ bản đồ số 20)	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142 tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa số 158 tờ bản đồ số 20	1,00
		Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142 tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa số 158 tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn (đường sỏi đỏ khu phố Trung Lợi cũ)	1,01

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
18	Đường Lê Duẩn (Đường sỏi đỏ, khu phố Trung Lợi)	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 325 tờ bản đồ số 20	1,00
		Ngã tư hết thửa đất số 325 tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372 tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa số 143 tờ bản đồ số 13	1,00
		Phía Đông: Giáp thửa đất số 372 tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa số 143 tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99 tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa số 100 tờ bản đồ số 3)	1,00
		Phía Đông: Giáp thửa đất số 99 tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa số 100 tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	1,02
19	Đường Ngô Tất Tố (Đường ấp 2, TT thị trấn Chơn Thành đi Minh Hưng)	Đầu thửa số 39 tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	1,00
20	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	1,10
		Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới xã Minh Thành	1,11
		Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba tổ 9 -10 ấp 3	1,10
		Ngã ba tổ 9 -10 ấp 3	Giáp ranh xã Minh Long	1,10
21	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 ấp 3, thị trấn Chơn Thành)	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 -10 ấp 3	1,00
		Ngã tư đường tổ 9 -10 ấp 3	Giáp ranh xã Minh Long	1,01
22	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6 KP 8 (Hết ranh đất văn phòng KP4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất 173 tờ bản đồ số 82	1,00
		Phía Bắc: Ngã ba tổ 6 KP 8 (Hết ranh đất văn phòng KP4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất 173 tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa số 4 tờ bản đồ số 25	1,02
		Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa số 4 tờ bản đồ số 25	Ranh giới xã Minh Long	1,04

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
23	Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 TT. Chơn Thành	Đường Trần Quốc Toàn	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4 Kp 5 (Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63 tờ bản đồ số 103)	1,01
		Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4 Kp 5 (Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63 tờ bản đồ số 103)	Hết tuyến (Hết ranh đất thừa số 18 tờ bản đồ số 23)	1,02
24	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5	Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 102	1,02
25	Đường sỏi đỏ tổ 4 khu phố 5	Đường Điều Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thừa số 19 tờ bản đồ số 103)	1,01
26	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, ấp Hiếu Cầm)	Đường Nguyễn Huệ	Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27)	1,00
		Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27)	Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28)	1,01
27	Đường Trần Quốc Toàn	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điều Ong	1,01
28	Đường Điều Ong	Toàn tuyến		1,01
29	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	1,00
30	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		1,00
31	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11)	1,01
		Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6)	1,01
32	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 71) Phía Nam: (Hết ranh thửa đất số 68 tờ bản đồ số 71)	1,01
		Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 71) Phía Nam: (Hết ranh thửa đất số 68 tờ bản đồ số 71)	Ngã ba đường liên ấp 2-Kp 2	1,02
33	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		1,01
34	Đường Nguyễn Công Hoan	Toàn tuyến		1,01
35	Đường Phạm Thế Hiển	Toàn tuyến		1,03

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
36	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 2 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa số 126 tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 3)	1,01
		Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa số 126 tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 3)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	1,03
37	Đường Tổng Duy Tân	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,01
38	Đường Phan Kế Bính	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,01
39	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,00
40	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới KP 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64 tờ bản đồ số 65)	1,05
41	Đường Đào Duy Từ	Toàn tuyến		1,01
42	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Toàn tuyến		1,03
43	Đường tổ 9, tổ 10, ấp 3	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa số 29 tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa số 5 tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	1,01
44	Đường tổ 01, tổ 12, ấp 2	Ngã ba đường Hồ Hảo Hớn	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	1,01
45	Đường tổ 11, ấp 2	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,01
46	Đường liên ấp 2 - ấp 3	Ngã ba đường tổ 1 ấp 2	Giáp thửa đất số 48 tờ bản đồ số 6	1,00
47	Đường liên ấp 2 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa số 6 tờ bản đồ số 18	1,01
		Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa số 6 tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665 tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748 tờ bản đồ số 11	1,01
48	Đường liên ấp 2 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Đường tổ 1- tổ 12 ấp 2	1,00
49	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	1,01
50	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06)	1,01
51	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 -10 ấp 3 (Hết ranh thửa đất số 539 tờ bản đồ số 2)	1,01

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
52	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 29, tờ bản đồ 16)	Đường Hồ Chí Minh	1,10
53	Đường tổ 9, 10, ấp Hiếu Cầm	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	1,01
54	Đường tổ 9, 10, ấp Hiếu Cầm	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39 tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24 tờ bản đồ số 109	1,02
55	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Hiếu	1,00
		Ngã ba hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Hiếu	Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	1,00
		Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	Đường Hồ Chí Minh	1,00
56	Đường tổ 6 ấp Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa số 11 tờ bản đồ số 111	Hết ranh thửa số 1 tờ bản đồ số 111	1,00
57	Đường tổ 6 ấp Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa số 113 tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34 tờ bản đồ số 112	1,00
58	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	1,01
59	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	Giáp ranh đất nhà bà Trần Thị Phiên	1,00
60	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 2)	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	1,00
61	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 2)	Giáp ranh đất ông Võ Văn Nàm	1,00
62	Đường tổ 4, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22 tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 29	1,00
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22 tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	1,01
63	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	1,00
64	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 12, tờ bản đồ 46),	Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	1,00
65	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 102, tờ bản đồ 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	1,01

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
66	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13)	1,01
67	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	1,02
68	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561 tờ bản đồ số 15)	1,02
		Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561 tờ bản đồ số 15)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	1,01
69	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	1,01
70	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thức (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16)	Đường Cao Bá Quát	1,01
71	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba đường liên kp 4-5-8 (Hết ranh đất nhà bà Đặng Thị Sen)	1,01
72	Đường tổ 3A, khu phố 4	Phía Bắc: Đầu ranh thửa số 34 tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 26)	1,01
73	Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4	Đất nhà bà Võ Thi Khen (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 25)	Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32)	1,01
74	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24 tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa số 20 tờ bản đồ số 32	1,00
75	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 45 tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447 tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99 tờ bản đồ số 31	1,02
		Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447 tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99 tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 31)	1,03
76	Đường tổ 7 khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 570 tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa số 575 tờ bản đồ số 32	1,03

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
77	Đường tổ 7 khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 400 tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa số 422 tờ bản đồ số 32	1,02
78	Đường tổ 4, khu phố 6	Đường 2 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 26)	1,01
79	Đường tổ 4, khu phố 6	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5 KP6	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7 KP6	1,01
80	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6	Đầu ranh đất thửa số 95 tờ bản đồ số 27	Đường tổ 6 - tổ 7 KP6	1,01
81	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6	Đường Nguyễn Huệ	Phía Nam: Hết ranh thửa số 64 tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa 38 tờ bản đồ số 34	1,01
82	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7 KP6 (Đầu ranh đất thửa số 18 tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6 tờ bản đồ số 35	1,01
83	Đường tổ 8 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa số 134 tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117 tờ bản đồ số 34	1,01
84	Đường tổ 8 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa số 94 tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 34	1,01
85	Đường tổ 9 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 thửa số 58 tờ bản đồ số 34	1,01
86	Đường tổ 9 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 thửa số 56 tờ bản đồ số 34	1,01
87	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Thành Tâm	Đường Tô Hiến Thành (Thửa đất số 39, tờ bản đồ 33)	Đất nhà ông Trần Tuấn Vũ (thửa đất số 169, tờ bản đồ số 34)	1,10
88	Đường tổ 7, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ 29)	Suối xóm Hồ (Ranh giới xã Minh Long)	1,01
89	Đường tổ 4, khu phố 8	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 13, tờ bản đồ 30)	Ngã ba đường tổ 9 KP 8 (Hết ranh thửa số 88 tờ bản đồ số 23)	1,02
90	Đường tổ 5, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 07, tờ bản đồ 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	1,01
91	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ 23)	Hết ranh thửa đất số 69 tờ bản đồ số 30	1,02
92	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ 23)	Ranh giới xã Thành Tâm (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	1,02
93	Đường tổ 5 KP 8 (tránh mỏ Cao Lanh)	Đầu thửa số 28 tờ bản đồ số 18	Hết thửa số 29 tờ bản đồ số 25	1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
94	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4 ấp Hiếu Cầm	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	1,01
95	Đường nhựa, đường bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,00
96	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,00
II	XÃ MINH HƯNG (NAY LÀ PHƯỜNG MINH HƯNG)			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Ngã tư giáp ranh đất ông Phạm Văn Hoa (thửa 212 tờ 30)	1,04
		Ngã tư giáp ranh đất ông Phạm Văn Hoa (thửa 212 tờ 30)	Ngã tư đường bê tông hết ranh thửa đất 520 tờ 24	1,04
		Ngã tư đường bê tông hết ranh thửa đất 520 tờ 24	Phía Đông: giáp đường bê tông vào trường THCS Minh Hưng Phía Tây: Giáp đường bê tông ranh giới ấp 2 và ấp 3b	1,04
		Phía Đông: giáp đường bê tông vào trường THCS Minh Hưng Phía Tây: Giáp đường bê tông ranh giới ấp 2 và ấp 3b	Phía Đông: giáp đường bê tông giáp ranh cây xăng Lan Sinh Phía Tây: Đường vào khu Công nghiệp Minh Hưng III	1,03
		Phía Đông: giáp đường bê tông giáp ranh cây xăng Lan Sinh Phía Tây: Đường vào khu Công nghiệp Minh Hưng III	Phía Đông: Đường số 25 (hết ranh KDC Đại Nam) Phía Tây: Hết ranh thửa đất 209 tờ bản đồ số 12	1,04
		Phía Đông: Đường số 25 (hết ranh KDC Đại nam) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 209, tờ bản đồ số 12	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 246, tờ bản đồ số 11)	1,04
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 246, tờ bản đồ số 11)	Ranh giới xã Tân Khai - Hớn Quản	1,04
2	Đường đi trung tâm hành chính huyện	Ngã ba Quốc lộ 13	Phía Nam: đường bê tông vào trường cấp II, III Phía Bắc: Giáp đường nhựa số 21	1,07
		Phía Nam: đường bê tông vào trường cấp II, III Phía Bắc: Giáp đường nhựa số 21	Giáp ranh thị trấn Chơn Thành (ngã tư đường Cao Bá Quát)	1,06
3	Đường Minh Hưng - Minh Thạnh (đoạn vào khu công nghiệp Minh Hưng III)	Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 19	1,05

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
4	Đường Minh Hưng - Minh Thạnh (đoạn còn lại)	Ngã tư đường số 19	Ngã tư đường số 17 (đến ranh thửa đất ông Phạm Minh Dũng)	1,06
		Ngã tư đường số 17 (đến ranh thửa đất ông Phạm Minh Dũng)	Ranh giới xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	1,06
5	Đường Minh Hưng - Đồng Nơ	Quốc lộ 13	Ngã tư hết đất nông trường cao su Minh Hưng	1,10
	Đường Minh Hưng - Đồng Nơ	Ngã tư hết đất nông trường cao su Minh Hưng	Giáp ranh xã Đồng Nơ huyện Hớn Quản	1,06
6	Đường nhựa số 21	Giáp đường số 33	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,06
7	Đường nhựa số 19	Giáp đường số 58	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 87 tờ bản đồ 30)	1,04
8	Đường Minh Hưng - Tân Quan	Đường Nguyễn Văn Linh	Ngã tư (hết ranh thửa đất 194 tờ bản đồ 31)	1,05
	Đường Minh Hưng - Tân Quan	Ngã tư (hết ranh thửa đất 194 tờ bản đồ 31)	Giáp ranh xã Tân Quan	1,06
9	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	QL 13	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06
		Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới xã Minh Thành	1,05
		QL 13	Đường đất hết ranh đất thửa số 458 tờ bản đồ số 30	1,06
		Đường đất hết ranh đất thửa số 458 tờ bản đồ số 30	Hết ranh đất thửa số 118 tờ bản đồ số 28	1,05
10	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,08
11	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,11
12	Đường KDC Đại Nam			
	Đường số 14	Cổng chào KDC Đại Nam (Giáp QL13)	Hết tuyến	1,07
	Đường số 1	Toàn tuyến		1,06
	Đường số 6,7, 9,10	Toàn tuyến		1,06
	Đường số 4,5,11,17,19	Toàn tuyến		1,05
	Các đường còn lại trong KDC	Toàn tuyến		1,03
III	XÃ THÀNH TÂM (NAY LÀ PHƯỜNG THÀNH TÂM)			

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Đầu đất cty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và QL13 cũ)	1,10
		Đầu đất cty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và QL13 cũ)	Hết đường số 29	1,10
		Hết đường số 29	Cầu Tham Rót	1,15
2	Đường D4	QL13	Giáp ranh thị trấn Chơn Thành	1,10
3	Đường trục chính KCN Chơn Thành	QL 13	Mương thoát nước phía tây KCN Chơn Thành	1,10
4	Đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm	Toàn tuyến		1,10
5	Đường D9	QL 13	Hết tuyến	1,10
6	Đường thâm nhựa ấp Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	QL 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119 tờ bản đồ số 22)	1,10
		Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119 tờ bản đồ số 22)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	1,10
		Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Hết tuyến (Đường đất)	1,20
7	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	QL 13 cũ (Đầu ranh thửa đất số 139 tờ bản đồ số 3)	Hết ranh thửa đất số 100 tờ bản đồ số 3	1,10
8	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	Đầu ranh đất thửa số 1 tờ bản đồ số 1	Đầu ranh đất thửa số 15 tờ bản đồ số 1	1,10
9	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	Đầu ranh đất thửa số 65 tờ bản đồ số 2	Đầu ranh đất thửa số 7 tờ bản đồ số 1	1,10
10	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,10
11	Đường ranh giới Thành Tâm - Trừ Văn Thố	Cuối ranh KCN Chơn Thành	Hết tuyến	1,14
12	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,10
13	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,10
IV	XÃ MINH LONG (NAY LÀ PHƯỜNG MINH LONG)			
1	ĐT 751	Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh thị trấn Chơn Thành)	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17 Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành	1,04
		Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17 Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành	Ngã tư đường số 4 và đường số 9	1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Ngã tư đường số 4 và đường số 9	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lâu)	1,02
		Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lâu)	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa ấp 3)	1,01
		Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa ấp 3)	Cầu Bà Và (Ranh giới tỉnh Bình Dương)	1,02
2	ĐH 239	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 624, tờ bản đồ số 18 Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 239 và đường số 44	1,02
		Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 624, tờ bản đồ số 18 Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 239 và đường số 44	Hết tuyến	1,03
3	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới thị trấn Chơn Thành)	ĐT 751	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 143 tờ bản đồ số 5)	1,18
		Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 143 tờ bản đồ số 5)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5)	1,01
4	Đường số 29	HLLG đường ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường đất (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 103, tờ bản đồ số 09	1,03
		Phía Tây: Ngã ba hết ranh đất nhà ông Nhân (thửa số 51 tờ bản đồ số 9) Phía Đông: Hết ranh đất thửa số 103 tờ bản đồ số 9	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 04 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 107, tờ bản đồ số 04	1,24
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 04 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 107, tờ bản đồ số 04	Ranh giới xã Minh Hưng	1,00
5	Đường số 19	HLLG đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 349, tờ bản đồ số 09 Phía Đông: Ngã ba đường song hành (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	1,01
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 349, tờ bản đồ số 09 Phía Đông: Ngã ba đường song hành (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 05 Phía Đông: Hết ranh đất công cý Cao lanh Phúc Lộc Thọ (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05)	1,23

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 05 Phía Đông: Hết ranh đất công cộng Cao lanh Phúc Lộc Thọ (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05)	Ranh giới xã Minh Hưng	1,60
6	Đường số 2	ĐT 751	Đường 239	1,00
7	Đường số 7	ĐT 751	Phía Tây: Hết thửa đất số 155 tờ bản đồ số 5 Phía Đông: Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 5	1,01
		Phía Tây: Hết thửa đất số 155 tờ bản đồ số 5 Phía Đông: Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 5	Ranh giới xã Minh Hưng	1,03
8	Đường số 14	ĐT 751	Đường 239	1,01
9	Đường số 36	ĐT 751	Ngã tư đường số 40	1,01
		Ngã tư đường số 40	Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 18) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18	1,03
		Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 18) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18	Đường ĐH 239	1,00
10	Đường số 38	ĐT 751	Ngã ba đường số 40	1,00
		Đoạn còn lại		1,01
11	Đường số 41	ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 07) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08)	1,01
		Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 07) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08)	Ranh thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08	1,02
12	Đường số 45	ĐT 751	Ngã tư thửa đất số 37 tờ bản đồ số 7	1,01
		Đoạn đường nhựa còn lại		1,02
13	Đường số 51	Đường số 45	Hết ranh thửa đất số 09, tờ số 08 (hết đường nhựa)	1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
14	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,03
15	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,03
V	XÃ MINH THÀNH (NAY LÀ PHƯỜNG MINH THÀNH)			
1	Đường DT 751 (Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Hết đường vào Cổng chính khu Công Nghiệp Becamex	1,10
		Hết đường vào Cổng chính khu Công Nghiệp Becamex	Ngã tư đường N2	1,10
		Ngã tư đường N2	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	1,10
2	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,11
3	Đường liên xã Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa 16, tờ 28)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa 198, tờ 33)	1,12
		Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa 198, tờ 33)	Ranh giới xã An Long, Phú Giáo, Bình Dương	1,11
4	Đường nhựa Minh Thành- Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa- Ranh giới tỉnh Bình Dương	1,12
5	Đường nhựa ấp 3 -ấp 5	ĐT 751 (QL 14 cũ)	Ngã 4 đường đất đỏ ấp 5, xã Minh Thành	1,11
6	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành	ĐT 751 (QL 14 cũ)	Đường Hồ Chí Minh	1,10
7	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,11
8	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,11
VI	XÃ NHA BÍCH			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Minh Thành (Cầu Suối Ngang)	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 24) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa số 89, tờ bản đồ số 24)	1,06
		Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 24) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa số 89, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	1,03
		Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 18 (Trạm xăng dầu Mai Linh) Phía Đông Nam: Suối cạn (thửa số 39, tờ bản đồ số 18)	1,09

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 18 (Trạm xăng dầu Mai Linh) Phía Đông Nam: Suối cạn (thửa số 39, tờ bản đồ số 18)	Giáp ranh xã Minh Thắng	1,06
2	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - nhựa)	Quốc lộ 14	Hết ranh đất bà Hồ Thị Vinh (ngã ba đường nhựa)	1,06
	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - đường đất)	Hết ranh đất bà Hồ Thị Vinh (ngã ba đường nhựa)	Ranh giới xã Tân Quan, huyện Hớn Quản	1,05
3	Huyện lộ ĐH 13	Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường bê tông (thửa số 25, tờ bản đồ số 22) Phía Đông: Đường bê tông (thửa số 24, tờ bản đồ số 22)	1,10
		Phía Tây: Đường bê tông (thửa số 25, tờ bản đồ số 22) Phía Đông: Đường bê tông (thửa số 24, tờ bản đồ số 22)	Ngã ba nhà văn hóa ấp 6	1,11
4	Đường Minh Thành- Bàu Nàm	Quốc lộ 14	Hết ranh khu TĐC 10 ha	1,11
		Hết ranh khu TĐC 10 ha	Giáp ranh xã Minh Thành	1,10
5	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,05
6	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,04
VII	XÃ MINH THẮNG			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nha Bích (Cầu lò gạch)	Phía Đông Nam: đường vào nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa số 07, tờ bản đồ số 22)	1,14
		Phía Đông Nam: đường vào nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa số 07, tờ bản đồ số 22)	Phía Nam: Đường nhựa (thửa số 211, tờ bản đồ số 18) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa số 57, tờ bản đồ số 22)	1,11
		Phía Nam: Đường nhựa (thửa số 211, tờ bản đồ số 18) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa số 57, tờ bản đồ số 22)	Ranh giới xã Minh Lập	1,11
2	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - đường đất)	Ranh giới xã Nha Bích	Hết tuyến (thửa đất số 77 tờ bản số 07)	1,13

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
3	Huyện lộ ĐH 13	Ranh giới xã Nha Bích	Hết tuyến (thửa đất số 38 tờ bản số 29)	1,14
4	Đường liên xã Minh Thắng - Quang Minh	Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Giáp ranh xã Quang Minh	1,13
5	Đường ấp 1 - Tân Quan, Quang Minh	Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Giáp ranh xã Quang Minh - xã Tân Quan	1,13
6	Đường Minh Lập - Minh Thắng - Nha Bích	Giáp ranh xã Minh Lập (Từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đông)	Giáp ranh xã Nha Bích (Đường DH 13)	1,13
7	Đường nhựa ấp 2	Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	Hết đường nhựa: - Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa 55 tờ 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa 21 tờ 16)	1,13
8	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,11
9	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,12
VIII	XÃ MINH LẬP			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Minh Thắng (cầu suối Dung)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 14) Phía Nam: Ngã ba đường liên xã Minh Lập - xã Minh Thắng	1,11
		Phía Bắc: Ngã đường bê tông (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 14) Phía Nam: Ngã ba đường liên xã Minh Lập - xã Minh Thắng	Ngã tư (thửa đất số 311, tờ bản đồ số 14)	1,11
		Ngã tư (thửa đất số 311, tờ bản đồ số 14)	Ngã tư (thửa đất số 428, tờ bản đồ số 14)	1,11
		Ngã tư (thửa đất số 428, tờ bản đồ số 14)	Ngã tư khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích (thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19)	1,11
		Ngã tư khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích (thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19)	Giáp ranh thành phố Đồng Xoài (Cầu Nha Bích)	1,11

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường ĐT 756	Tiếp giáp QL 14	Phía Tây: Cổng trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 12) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 12)	1,11
		Phía Tây: Cổng trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 12) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 12)	1,11
		Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 12)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và ĐT 756C)	1,11
		Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	1,11
3	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường DT 756 và DT 756C	Ranh giới xã Quang Minh	1,11
4	Đường liên xã Minh Lập - Minh Thắng	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Minh Thắng	1,13
5	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,11
6	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,11
IX	XÃ QUANG MINH			
1	Đường tỉnh ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan, huyện Hớn Quản	Hết ranh thửa đất số 469, tờ bản đồ số 04	1,01
		Hết ranh thửa đất số 469, tờ bản đồ số 04	Ngã ba đường đất (thửa đất số 947, tờ bản đồ số 04)	1,01
		Ngã ba đường đất (thửa đất số 947, tờ bản đồ số 04)	Ranh giới xã Minh Lập	1,02
2	Đường liên xã Quang Minh - Phước An	Ngã ba UBND xã Quang Minh	Phía Bắc: Hết ranh đất Bưu điện xã (thửa đất số 450, tờ bản đồ số 04) Phía Nam: Ngã ba đường đất (thửa số 597, tờ bản đồ số 04)	1,01
		Phía Bắc: Hết ranh đất Bưu điện xã (thửa đất số 450, tờ bản đồ số 04) Phía Nam: Ngã ba đường đất (thửa số 597, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh đất Nông Trường cao su Xa Trạch	1,01
3	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,00
4	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,01